

## ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO VÙNG DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG: THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

Hoàng Hồng Hiệp\*

### 1. Thực trạng thu hút FDI tại vùng Duyên hải miền Trung (DHMT)

Từ khi thực hiện Luật Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam (1987), tính đến hết năm 2007, cả nước đã có 8.684 dự án FDI được cấp giấy phép còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký khoảng 85 tỷ USD. Các tỉnh vùng DHMT có 382 dự án FDI được cấp phép với tổng vốn đầu tư đăng ký 7,34 tỷ USD, chiếm 8,63% tổng FDI cả nước. Riêng vốn FDI thực hiện ở khu vực này là rất thấp, chỉ chiếm 3,51% tổng vốn FDI thực hiện của cả nước. Một vấn đề cần lưu ý là FDI bình quân đầu người của vùng chỉ vào khoảng 753 USD, trong khi đó vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ) phía Nam là 3.406 USD, vùng KTTĐ phía Bắc là 1.723 USD, của cả nước là 1.000 USD. Như vậy, lượng vốn FDI chảy vào DHMT rất thấp, chưa tương xứng với tiềm năng vốn có của vùng, đặc biệt là lợi thế về phát triển du lịch và kinh tế biển.

Các dự án FDI tham gia vào vùng DHMT hầu hết đều có quy mô trung bình, cá biệt năm 2006 có một dự án thép vào Quảng Ngãi với mức vốn 556 triệu USD, năm 2007 dự án nhà máy lọc dầu Vũng Rô được cấp phép với mức vốn khổng lồ 1,7 tỷ USD. Sự

xuất hiện của hai dự án này đã làm cho lượng vốn FDI vào DHMT trong 2 năm 2006, 2007 được “cải thiện” đáng kể, quy mô FDI bình quân một dự án của vùng đặc biệt cao (19 triệu USD), cao hơn cả mức bình quân của vùng KTTĐ phía Nam (khoảng 8 triệu USD), và mức bình quân của cả nước (10 triệu USD).

Tỷ lệ nguồn vốn FDI thực hiện của vùng rất thấp, bình quân giai đoạn 1988-2007 chỉ vào khoảng 14%, trong khi con số này của cả nước vào khoảng 34%, của vùng KTTĐ phía Bắc là 28%, của vùng KTTĐ phía Nam là 32%. Bên cạnh đó, số dự án tăng vốn rất ít. Năm 2006 lượng vốn mà các doanh nghiệp FDI đăng ký tăng vốn chỉ chiếm khoảng 2,2% tổng vốn tăng thêm của cả nước, năm 2007 con số này tăng lên 5%, song vẫn còn rất thấp. Điều này cho thấy, hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp FDI trong vùng là chưa cao, môi trường đầu tư của vùng chưa thật sự hấp dẫn nhà đầu tư nước ngoài. Thực tế, các vấn đề về thủ tục hành chính, trợ giúp sau cấp phép, giải phóng và bàn giao

\* Hoàng Hồng Hiệp, Thạc sỹ kinh tế, Học viện Chính trị Hành chính khu vực III, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Đà Nẵng.

**Bảng 1. FDI các vùng kinh tế giai đoạn 1988-2007.**

| TT | Vùng kinh tế                     | Số dự án     |              | Vốn đăng ký       |              | Vốn thực hiện     | Vốn đăng ký/ 1000 người | Vốn thực hiện/ Vốn đăng ký |
|----|----------------------------------|--------------|--------------|-------------------|--------------|-------------------|-------------------------|----------------------------|
|    |                                  | Số lượng     | Tỷ trọng (%) | Giá trị           | Tỷ trọng (%) |                   |                         |                            |
| 1  | Vùng Duyên hải miền Trung        | 382          | 4%           | 7.344.643         | 9%           | 1.026.670         | 753                     | 14,0%                      |
| 2  | Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam | 5.453        | 63%          | 45.948.542        | 54%          | 14.529.482        | 3.406                   | 31,6%                      |
| 3  | Vùng Kinh tế trọng điểm phía Bắc | 2.109        | 24%          | 23.617.545        | 28%          | 6.691.169         | 1.723                   | 28,3%                      |
|    | <b>Cả nước</b>                   | <b>8.684</b> | <b>100%</b>  | <b>85.056.833</b> | <b>100%</b>  | <b>29.234.437</b> | <b>1.011</b>            | <b>34,4%</b>               |

*Nguồn:* Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và tính toán của tác giả.

mặt bằng là những trở lực chính kéo theo sự kém hấp dẫn môi trường đầu tư của vùng.

Bên cạnh đó, dòng FDI phân bố không đồng đều giữa các địa phương trong vùng, tập trung ở các địa phương có nhiều ưu thế trong phát triển kinh tế như Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Khánh Hoà. Các tỉnh không thuận lợi về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên như Quảng Bình, Quảng Trị thì rất khó khăn trong việc thu hút FDI. Một vấn đề cần lưu ý ở đây là ba địa phương Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định, tuy là những tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền trung, song lượng FDI thu hút được trong thời gian qua là rất thấp, chưa xứng tầm là địa phương đóng vai trò làm động lực phát triển cho cả miền trung. Cần lưu ý, lượng vốn đăng ký FDI tại Quảng Ngãi năm 2006 tăng vọt là do quyết tâm xây dựng nhà máy lọc dầu Dung Quất chứ không hẳn do môi trường đầu tư của tỉnh này được cải thiện<sup>1</sup>.

Các dự án FDI tập trung chủ yếu vào các ngành công nghiệp và xây dựng, chiếm 64,44% tổng FDI đăng ký, ngành nông nghiệp chiếm 19,24% vốn đăng ký, ngành dịch vụ chiếm 16,32% vốn đăng ký. Như vậy, FDI tập trung mạnh vào ngành công nghiệp xây dựng nhằm khai thác thế mạnh về công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến thủy sản, cây công nghiệp. Tuy nhiên, FDI vào ngành dịch vụ còn rất thấp (chiếm 10,64% vốn thực hiện), chưa tương xứng với tiềm năng du lịch dịch vụ to lớn của vùng<sup>2</sup>, trong khi “cú hích” để phát triển ngành du lịch mang tầm quốc tế rất cần đến vai trò to lớn của các tập đoàn kinh doanh du lịch nước ngoài.

Về cơ cấu FDI theo chủ đầu tư, luồng vốn FDI vào DHMT chủ yếu từ Châu Á (chiếm 61,25% vốn đăng ký và 68,7% vốn thực hiện), trong đó các nhà đầu tư chủ lực là Nhật Bản, Hàn Quốc, các nước ASEAN. Thiếu hẳn các nhà đầu tư, các tập đoàn kinh tế lớn ở Châu Âu, Bắc Mỹ. Đây là vấn đề cần lưu ý khi hoạch định chính sách marketing FDI cho DHMT.

**Bảng 2. Tình hình thu hút FDI vào DHMT**

Đơn vị: 1000 USD

| TT                        | Địa phương  | Giai đoạn 1988-2007 |                   |                   | Năm 2006         |                  | Năm 2007          |                  |
|---------------------------|-------------|---------------------|-------------------|-------------------|------------------|------------------|-------------------|------------------|
|                           |             | Số dự án            | Vốn đăng ký       | Vốn thực hiện     | Đăng ký mới      | Tăng vốn         | Đăng ký mới       | Tăng vốn         |
| 1                         | Quảng Bình  | 4                   | 32.334            | 25.490            |                  |                  |                   |                  |
| 2                         | Quảng Trị   | 14                  | 52.660            | 8.239             | 19.300           | 188              | 8.045             |                  |
| 3                         | T.Thiên Huế | 41                  | 792.240           | 145.928           | 8.837            | 2.030            | 561.391           |                  |
| 4                         | Đà Nẵng     | 111                 | 1.852.321         | 184.751           | 203.226          | 21.600           | 928.853           | 11.240           |
| 5                         | Quảng Nam   | 53                  | 518.871           | 64.625            | -                | 15.000           | 209.951           | 78.035           |
| 6                         | Quảng Ngãi  | 15                  | 1.124.529         | 12.027            | 556.000          | -                | 5.750             | -                |
| 7                         | Phú Yên     | 38                  | 1.945.576         | 122.827           | -                | -                | 1.703.770         | 500              |
| 8                         | Bình Định   | 30                  | 367.411           | 87.247            | 4.977            | -                | 67.288            | 950              |
| 9                         | Khánh Hòa   | 76                  | 658.702           | 375.537           | 66.915           | 13.900           | 658.702           | 42.400           |
| <b>Tổng cộng FDI DHMT</b> |             | <b>382</b>          | <b>7.344.643</b>  | <b>1.026.670</b>  | <b>859.255</b>   | <b>52.718</b>    | <b>4.143.750</b>  | <b>133.125</b>   |
| <b>Việt Nam</b>           |             | <b>8.684</b>        | <b>85.056.833</b> | <b>29.234.437</b> | <b>7.565.675</b> | <b>2.362.347</b> | <b>18.718.405</b> | <b>2.629.458</b> |
| <b>Tỷ trọng của DHMT</b>  |             | <b>4,40%</b>        | <b>8,63%</b>      | <b>3,51%</b>      | <b>11,36%</b>    | <b>2,23%</b>     | <b>22,14%</b>     | <b>5,06%</b>     |

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và tính toán của tác giả.

Có thể thấy rằng, trong thời gian qua, nguồn vốn FDI “chảy” vào DHMT rất hạn chế, vai trò của FDI đối với sự phát triển kinh tế - xã hội vùng chưa thật sự rõ nét. Công tác thu hút FDI vào DHMT gặp phải những rào cản chủ yếu sau:

**Thứ nhất**, điều kiện tự nhiên của vùng không thuận lợi. Với địa hình hẹp và dốc, điều kiện thời tiết khí hậu tương đối khắc nghiệt, hạn hán bão lũ luôn là những mối đe dọa to lớn đối với DHMT, điều này rất dễ làm nản lòng nhà đầu tư, đặc biệt là đầu tư nước ngoài<sup>3</sup>. Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng “cứng” của vùng rất yếu kém, đặc biệt hệ thống giao thông nội vùng có chất lượng khá thấp. Nếu xem xét kết cấu hạ tầng kinh tế

trên một đơn vị diện tích thì khu vực DHMT được đánh giá vào loại khá của cả nước, vì tỉnh nào cũng có sân bay, cảng biển, đường quốc lộ, đường sắt, đường dây 500KVA,... Tuy nhiên, đường sắt và đường bộ chất lượng thấp, lại đi qua nhiều làng mạc, đô thị và đường cắt ngang nên tốc độ lưu thông thấp, chỉ đạt 40-60km/giờ. Hầu hết các sân bay trong khu vực đều là sân bay nhỏ, tần suất bay thấp, các tuyến bay chủ yếu là tuyến nội địa, ít được chú ý đầu tư thỏa đáng. Cảng biển nhỏ, ít được đầu tư nên xuống cấp trầm trọng, các tàu hàng quốc tế có trọng tải lớn không thể vào ra tự do. Thêm vào đó, hệ thống xử lý chất thải trong khu vực vừa thiếu vừa lạc hậu nên tình trạng ô nhiễm môi trường diễn ra khá phổ

biến ở nhiều đô thị và khu công nghiệp.

Bên cạnh sự yếu kém của kết cấu hạ tầng kỹ thuật, mức độ yếu kém của kết cấu hạ tầng xã hội cũng hết sức báo động. Cơ sở vật chất của hầu hết các cấp học, đặc biệt là bậc phổ thông, cao đẳng, đại học, các cơ sở đào tạo nghề đều rất nghèo nàn, lạc hậu, nhiều trường vẫn còn đang trong tình trạng thiếu các phương tiện thực hành cho học sinh, sinh viên. Điều dễ thấy là máy móc dành cho đào tạo nghề lạc hậu sẽ không đáp ứng được yêu cầu trong việc đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật cao, trong khi thực tế doanh nghiệp luôn thay đổi máy móc công nghệ hiện đại nhằm phù hợp với xu thế mới. Điều đó khiến khoảng cách giữa đào tạo và sử dụng lao động ngày một lớn hơn. Bên cạnh đó, điều kiện sinh hoạt, học tập, giải trí và chăm sóc sức khỏe cho người nước ngoài còn rất hạn chế. Cả miền Trung vẫn chưa có bệnh viện nước ngoài, chưa có cơ sở khám chữa bệnh cao cấp dành riêng cho người nước ngoài. Vấn đề đặt ra là các nhà đầu tư nước ngoài sẽ đảm bảo được cung cấp bằng các dịch vụ y tế nào khi gặp những trục trặc về sức khỏe, đặc biệt là những căn bệnh cấp cứu đột xuất, khi mà miền Trung cách xa đáng kể về mặt không gian đối với hai trung tâm kinh tế xã hội của đất nước.

Một điểm bất lợi đáng chú ý trong thu hút FDI của vùng là hàng hóa dịch vụ phục vụ nhu cầu cao cấp cho các nhà đầu tư nước ngoài còn rất khan hiếm. Điều dễ thấy là các nhà đầu tư nước ngoài vào đầu tư tại vùng bên cạnh mục tiêu lợi ích kinh tế thì họ cần được thụ hưởng các giá trị khác của cuộc sống, đặc biệt về đời sống tinh thần sau những giây phút làm việc căng thẳng. Họ cần có các dịch vụ cuộc sống chất lượng cao, các dịch vụ vui chơi giải trí phù hợp, các trường học tiêu chuẩn quốc tế dành cho con em họ. Các dịch vụ cao cấp này có thể được đáp ứng ở mức tối thiểu tại Đà Nẵng - thủ phủ của miền Trung, song điều đó lại hoàn toàn là điều không thể đối với các địa phương còn lại, đặc biệt là các địa phương xa Đà Nẵng. Đây là hạn chế to lớn của DHMT so với hai đầu đất nước trong thu hút FDI.

*Thứ hai*, thị trường nội địa ở DHMT nhỏ hẹp, phân tán theo lãnh thổ, sức mua thấp. Mặc dù trong thời gian gần đây, tốc độ tăng trưởng kinh tế của vùng DHMT là khá cao, bình quân giai đoạn 2001-2005 là 11,8%/năm, cao hơn mức bình quân chung của cả nước, song do xuất phát điểm thấp nên quy mô kinh tế còn khá nhỏ bé, thu nhập bình quân đầu người năm 2005 chỉ vào khoảng 400 USD, tỷ lệ hộ nghèo vào khoảng 23,3%. Bên cạnh đó, khả năng tích lũy thấp nên vốn đầu tư nội sinh của vùng chỉ chiếm khoảng 30% tổng vốn đầu tư (vốn trung ương chiếm khoảng 60%, vốn nước ngoài chiếm khoảng 10%)<sup>4</sup>. Rõ ràng, năng lực nội sinh chưa đủ tạo nên "cú huých" cho sự tăng trưởng kinh tế cao của vùng, và nguồn vốn FDI cần được xác định là "cứu cánh" cần thiết cho nền kinh tế của vùng trong thời gian tới.

Một vấn đề cần lưu ý là hệ thống tài chính của Việt Nam nói chung và miền Trung nói riêng còn nhiều yếu kém, các nhà đầu tư nước ngoài gần như chưa tiếp cận được với thị trường vốn và các tổ chức tài chính tín dụng trong nước, trong khi chưa có sự hiện diện của các ngân hàng nước ngoài. Cần thấy, các cơ sở hạ tầng tài chính có ý nghĩa rất lớn đến sự thành công của các doanh nghiệp nước ngoài, đặc biệt là các lĩnh vực về tín dụng, bảo hiểm, thanh toán ngoại thương, thị trường chứng khoán.

*Thứ ba*, chi phí đầu tư tại miền Trung khá cao, đặc biệt là chi phí vận tải. Các dự án đầu tư nhằm mục tiêu khai thác thị trường nội địa sẽ gặp khó khăn do sức mua của thị trường miền Trung còn thấp, việc sản xuất tại vùng sau đó đưa về tiêu thụ tại các thị trường lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ gặp khó khăn do giá bán đội chi phí vận chuyển. Các dự án đầu tư xuất khẩu cũng gặp nhiều khó khăn hơn so với đầu tư ở hai đầu đất nước do chi phí vận tải biển cao<sup>5</sup>.

*Thứ tư*, dòng chảy đi của lao động có kỹ năng từ miền Trung đã gây cho vùng tình trạng thiếu lao động có tay nghề. Nguồn nhân lực tại chỗ chưa đáp ứng được yêu cầu

của nhà đầu tư cả về số lượng lẫn chất lượng, đặc biệt thiếu hẳn đội ngũ lao động lành nghề, lao động đã qua đào tạo tại một số tỉnh có trình độ phát triển kinh tế thấp<sup>6</sup>. Thực tế, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo của vùng KTTĐ miền Trung chỉ vào khoảng 28,7%, trong khi đó con số này của vùng KTTĐ phía Bắc là 33,7%, của vùng KTTĐ phía Nam là 33,02%. Chất lượng nguồn nhân lực có trình độ cao của vùng DHMT cũng rất hạn chế, tỷ lệ lao động của vùng đã qua đào tạo cao đẳng đại học cũng chỉ đạt 5,9%, trong khi đó tỷ lệ này của vùng KTTĐ phía Bắc là 8,5%, của vùng KTTĐ phía Nam là 7,5%. Đặc biệt tại khu kinh tế mở Chu Lai - khu kinh tế mở đầu tiên của Việt Nam, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo cao đẳng đại học chỉ chiếm chưa đến 1%, trong khi nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ cao tại đây là rất lớn.

Cần thấy rằng, việc đào tạo công nhân kỹ thuật phục vụ công nghiệp hóa cần phải có thời gian, nhưng cũng không có gì bảo đảm họ sẽ ở lại trong vùng sau khi được đào tạo. Chưa có nhiều dấu hiệu cho thấy những người đã ra đi sẽ quay trở lại ngay khi nhà đầu tư cần họ, sau khi họ đã có việc làm ổn định ở các trung tâm kinh tế ở phía Bắc hay phía Nam, trừ khi họ tìm thấy những động cơ rõ ràng và mạnh mẽ để khuyến khích họ trở lại miền Trung. Rõ ràng, sự "lệch pha" về thời gian, chất lượng giữa cung và cầu lao động là vấn đề gây khó khăn trong thu hút đầu tư. Đây là lực cản đối với một số địa phương trong thu hút các dự án FDI vào một số ngành sử dụng lao động kỹ năng có hiệu ứng với nhà máy lọc dầu như: thép, các dự án sau hóa dầu, công nghiệp cơ khí,....

*Thứ năm*, tính cục bộ địa phương trong thu hút FDI trong vùng còn nặng nề, tình trạng cạnh tranh không lành mạnh giữa các địa phương trong vùng đã phá vỡ thế cân bằng chung. Tính hợp tác và liên kết trong thu hút đầu tư chưa được chú trọng<sup>7</sup>. Để xúc tiến đầu tư, hiện mỗi tỉnh đều độc lập tổ chức hội nghị, các chuyến viễn du kêu gọi riêng. Để xúc tiến du lịch, mỗi tỉnh một lễ hội đóng khung trong tỉnh của mình, trong

khi đó, ai cũng hiểu du khách nước ngoài đến vùng đất này không phải đi thăm một nơi mà để thăm một loạt di sản, thắng cảnh nơi đây. Tuy nhiên, thực tế hợp tác trong xúc tiến đường như là việc quá khó đối với các địa phương trong vùng. Ý tưởng về "Con đường di sản thế giới" do ông Paul Stoll - nguyên tổng giám đốc Furama Resort - đưa ra, kêu gọi các địa phương trên con đường di sản ngồi lại hợp tác nhưng cũng không được nhiều lãnh đạo địa phương hưởng ứng, dù ai nấy đều cho là cần thiết. Rõ ràng, làm sao có thể hội nhập khi ranh giới hành chính giữa các địa phương trong vùng vẫn còn rất đậm, cắt khúc sự phát triển tự nhiên của không gian kinh tế vùng.

Mỗi địa phương đều ban hành hàng loạt các chính sách ưu đãi về đầu tư FDI, tính đồng bộ về chính sách hầu như rất thấp, nhà đầu tư nước ngoài rất dễ bối rối khi lựa chọn địa điểm đầu tư trong nội bộ các địa phương trong vùng<sup>8</sup>. Một thực tế cần xem xét là hầu hết các địa phương chỉ quan tâm ở giai đoạn cấp phép đầu tư, ít có những hỗ trợ sau đầu tư, ít quan tâm đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, xem đó như là nhiệm vụ riêng mà doanh nghiệp phải tự thân vận động.

## 2. Một số khuyến nghị về chính sách

*Thứ nhất*, xây dựng quy hoạch phát triển chung cho cả vùng trên cơ sở thống nhất với quy hoạch cụ thể cho từng ngành, địa phương, đối tác. Quy hoạch cần khai thác triệt để lợi thế so sánh của mỗi địa phương trong phát triển kinh tế, cần thiết xác định ngành kinh tế du lịch, công nghiệp hóa dầu, sau hóa dầu, công nghiệp phụ trợ ngành hóa dầu làm "mũi nhọn đột phá" trong thu hút FDI vào DHMT. Cần có định hướng phát triển lâu dài các khu đô thị công nghiệp, khu công nghiệp chuyên ngành (cụm công nghiệp chuyên ngành) ở những khu vực, vị trí phù hợp. Công tác hoạch định đối tác đầu tư cần chú trọng nhiều hơn vào các tập đoàn có tiềm lực mạnh về vốn và công nghệ. Cũng cần có hệ thống tiêu chí thẩm định dự án đầu tư cho từng ngành, từng khu vực lãnh thổ nhằm sàng lọc và lựa chọn các nhà đầu

tư có đủ năng lực tài chính, thương hiệu, kinh nghiệm, thiện chí, từ đó góp phần giảm thiểu rủi ro giải thể, giảm chi phí xử lý ô nhiễm do các dự án chất lượng thấp gây nên.

Có thể thấy rằng, FDI trên thế giới đang có xu hướng dịch chuyển vào các lĩnh vực dịch vụ. Đây là điều kiện để DHMT thử nghiệm với các ngành dịch vụ mới mang lại giá trị gia tăng cao như tài chính, viễn thông, ... hoặc các lĩnh vực du lịch, dịch vụ mà vùng vốn có tiềm năng lớn như xây hệ thống khu nghỉ dưỡng trên tuyến du lịch ven biển, hệ thống khu vui chơi giải trí cao cấp dành cho những người có thu nhập cao tại Đà Nẵng, Hội An, Nha Trang, xây dựng các khu an dưỡng, sinh thái, văn hoá biển, đảo (loại hình du lịch được ưa chuộng hiện nay). Quy hoạch phát triển cần chú trọng đến tính lan tỏa đầu tư của dự án Lạc đầu Dung Quất và Vũng Rô.

*Thứ hai*, thực hiện các cơ chế chính sách ưu đãi về FDI, tạo môi trường đầu tư hấp dẫn và thông thoáng.

Trước hết, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến FDI theo hướng tạo ra sự hấp dẫn, minh bạch, nhất quán và ổn định. Phân tích đặc điểm cụ thể của từng địa phương trên lãnh thổ DHMT để tạo ra những cơ sở pháp lý cho việc xây dựng các chính sách ưu đãi mang tính đặc thù nhằm ưu tiên phát triển các ngành khai thác lợi thế so sánh của từng địa phương trong vùng. Xây dựng định hướng phát triển vùng một cách cụ thể hơn với tính bắt buộc thực thi cao hơn, đây là cơ sở để các địa phương tuân thủ quy hoạch chung trong thu hút vốn FDI, phát triển kinh tế. Tính thực thi mang tính bắt buộc với quy hoạch phát triển vùng sẽ là cơ sở tạo nên sự nhất quán, tính đồng bộ trong hoạch định chính sách thu hút đầu tư giữa các địa phương.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các công cụ khuyến khích đầu tư, bao gồm công cụ tài chính như: miễn giảm thuế, lựa chọn phương pháp khấu hao, trợ vốn... cho các ngành khuyến khích phát triển. Căn cứ vào tính chất của từng ngành từng đối tác, tình trạng cụ thể của vùng mà chọn hình thức

khuyến khích đầu tư phù hợp. Cần có chính sách ưu đãi đối với các dự án FDI hoạt động xuất khẩu, sử dụng công nghệ hiện đại, quan tâm đến các dự án FDI vào ngành du lịch, cơ sở hạ tầng.

Đẩy mạnh cải cách hành chính trong thu hút FDI. Mọi thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động đầu tư, đặc biệt là hoạt động FDI phải hết sức gọn nhẹ, không tăng chi phí, không gây khó khăn đối với nhà đầu tư. Tạo niềm tin và luôn sát cánh với nhà đầu tư trước và sau hoạt động đầu tư. Về phương diện điều tiết vĩ mô, cần tập trung xóa bỏ những cản trở ách tắc trong đầu tư hơn là đưa ra các biện pháp khuyến khích đặc biệt, cố gắng hoàn chỉnh các chính sách thu hút đầu tư, hạn chế thay đổi chính sách thường xuyên.

*Thứ ba*, cải cách mạnh mẽ hệ thống tài chính ngân hàng, đặc biệt cần nhanh chóng tạo cơ chế, thủ tục để các nhà đầu tư nước ngoài có thể tiếp cận dễ dàng với các tổ chức tín dụng trong việc vay vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, từng bước thiết lập cơ sở tiền đề cho sự hình thành và phát triển thị trường vốn phù hợp với thông lệ quốc tế tại thành phố Đà Nẵng. Nghiên cứu và tạo điều kiện về mặt thủ tục pháp lý cũng như cơ chế chính sách ưu đãi để thu hút các ngân hàng có vốn đầu tư nước ngoài vào hoạt động tại Đà Nẵng, khu kinh tế mở (KKTMM) Chu Lai, khu kinh tế Dung Quất nhằm cung cấp tín dụng, các dịch vụ thanh toán ngoại thương cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

*Thứ tư*, đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng “cứng”, đặc biệt là các công trình giao thông liên vùng, tăng đầu tư cho vùng kinh tế trọng điểm, tăng lực hút cho các Khu kinh tế.

Tiến hành quy hoạch hệ thống các công trình cơ sở hạ tầng (CSHT) gắn với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế, trên cơ sở xem xét phân tích một cách đầy đủ vai trò của từng công trình. Từ đó, xác định những công trình trọng điểm cần thiết đầu tư trước, đó là những công trình có tác động “đột phá” đến phát triển kinh tế cũng như tạo hiệu ứng lan tỏa và thu hút đầu tư. Hoàn thành tuyến đường du lịch ven biển nối liền các trung tâm

du lịch trong vùng nhằm đẩy mạnh thu hút các dự án đầu tư tạo tiền đề hình thành chuỗi du lịch ven biển, đẩy nhanh tiến độ xây dựng và hiện đại hoá một vài sân bay, cảng biển chiến lược mang tầm quốc tế<sup>9</sup>. Đây là cơ sở thuận tiện cho giao lưu kinh tế trong và ngoài nước, đẩy nhanh quá trình xây dựng đường cao tốc Đà Nẵng - Dung Quất nhằm tạo tính "nội liên" trong vùng kinh tế trọng điểm cũng như tính liên thông thị trường miền Trung. Đó cũng là cơ sở để phá vỡ tính chia cắt của địa hình, tạo điều kiện để các nhà đầu tư tại miền Trung về Đà Nẵng thụ hưởng các dịch vụ kinh tài cao cấp, các dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng, du lịch giải trí cao cấp. Tiếp tục hiện đại hóa một số công trình giao thông nội vùng "trọng điểm" nhằm tạo tính liên thông mạnh giữa các trung tâm kinh tế, trung tâm du lịch của tỉnh.

Tăng cường vốn, tiếp tục đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng tại các đô thị trung tâm, các khu kinh tế, đặc biệt cần đầu tư thích đáng cho vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, từ đó tạo phản ứng lan tỏa đưa DHMT phát triển nhanh, bền vững. Tập trung nguồn lực xây dựng thành công các khu kinh tế, từ đó tạo bước đột phá mạnh trong thu hút vốn FDI.

Đầu tư từ ngân sách nhà nước cần tập trung nhiều hơn theo hướng gia tăng quy mô đầu tư vào các công trình cơ sở hạ tầng mang tính liên vùng (thay vì gia tăng vốn ngân sách cho mỗi tỉnh tự đầu tư), đầu tư vào những công trình có tác động "đột phá" mang tính phản ứng dây chuyền, lan tỏa ảnh hưởng toàn vùng, các công trình này phải đảm bảo tính liên thông của thị trường vùng (nh nhanh chóng triển khai xây dựng đường cao tốc Đà Nẵng - Dung Quất là một ví dụ). Các chính sách đầu tư mang tính liên vùng cần hướng đến việc kế thừa và thúc đẩy mạnh mẽ hơn hiệu ứng lan tỏa của dự án Lọc dầu Dung Quất, dự án Lọc dầu Vũng Rô, từ đó góp phần nâng cao tác động của dự án này đối với quá trình phát triển kinh tế của cả vùng (tính lan tỏa của dự án lọc dầu sẽ hạn chế nếu cơ sở hạ tầng và hệ thống giao thông kết nối giữa Dung Quất và Đà Nẵng, Dung Quất và Bình Định không thông suốt).

Tập trung và huy động nguồn lực xây dựng một số thành phố hiện đại với sự phát triển cao của các ngành dịch vụ, du lịch, giải trí tại một số địa phương trọng điểm như: Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang. Đây là những trung tâm cung cấp các dịch vụ cao cấp phục vụ nhu cầu giải trí, nghỉ ngơi, dịch vụ tài chính,... cho các nhà đầu tư và đối tác kinh doanh (các nhà đầu tư Bình Dương, Đồng Nai thường về TP Hồ Chí Minh giải trí, nghỉ ngơi nhưng không thể từ DHMT vào nghỉ tại TP Hồ Chí Minh hay ra Hà Nội).

Phối hợp với các doanh nghiệp chuyên ngành như điện lực, cấp nước, bưu chính viễn thông, hàng không, hàng hải, .... trong việc xây dựng và hoàn thiện các công trình CSHT thuộc ngành. Đặc biệt, hệ thống cung ứng điện, nước, viễn thông, hệ thống Internet tốc độ cao, cần được thực hiện đến tận các trung tâm kinh tế, các khu công nghiệp, các trung tâm du lịch. Đầu tư nâng cấp và hiện đại hóa các bệnh viện trung tâm, tạo cơ chế thu hút đầu tư hoặc phối kết các nguồn vốn khác (ODA, BOT, BTO, BT, FDI,...) để thiết lập trung tâm y tế hiện đại nhằm cung cấp dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh chất lượng cao cho du khách quốc tế, nhà đầu tư nước ngoài.

Xây dựng kết cấu hạ tầng đòi hỏi một lượng vốn đầu tư rất lớn. Bên cạnh nguồn vốn ngân sách, các địa phương DHMT cần nhấn mạnh công tác "xã hội hoá nguồn vốn xây dựng cơ sở hạ tầng", phải có biện pháp liên doanh liên kết, hợp tác, khuyến khích ưu đãi nhằm thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp có tiềm lực cùng bỏ vốn tham gia xây dựng dưới nhiều hình thức khác nhau như BOT, BTO, BT. Bên cạnh đó, khai thác quỹ đất, phát hành trái phiếu công trình cũng là các phương thức huy động vốn hữu hiệu trong thời kỳ tốc độ đô thị hóa ngày một mạnh mẽ.

Đẩy mạnh đầu tư CSHT cần quan tâm đến vấn đề xử lý môi trường một cách đồng bộ, đặc biệt là các hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại các trung tâm du lịch, các khu công nghiệp. Hệ thống xử lý chất thải tại các trung tâm du lịch trọng điểm cần được chú

trọng xây dựng ngay từ đầu nhằm đảm bảo mục tiêu phát triển hiện đại, bền vững cũng như giảm thiểu chi phí tái cấu trúc các dự án đầu tư khi DHMT bước vào giai đoạn phát triển đỉnh cao.

*Thứ năm*, tăng cường đầu tư phát triển hệ thống giáo dục đào tạo tại khu vực DHMT, đặc biệt là đào tạo nghề nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ số lượng và chất lượng lao động cho các nhà đầu tư trong hiện tại và tương lai. Hướng đi chiến lược cho các địa phương là nên xây dựng một hệ thống đào tạo công nhân lành nghề chất lượng cao, với nội dung học tập và phương tiện thực hành hiện đại mang tầm khu vực, hơn là cố tập trung nguồn lực xây dựng hệ thống các trường đại học công mang tầm địa phương.

1. Năm 2006, Quảng Ngãi thu hút được một dự án FDI ngành thép với tổng vốn đầu tư lên đến 556,000,000 USD. Đây là một dự án lớn được quyết định đầu tư tại Quảng Ngãi khi Nhà máy Lọc dầu Dung Quất được Chính phủ quyết tâm triển khai, dự án này được sự tiếp sức, "lãng xê" rất lớn của các bộ ngành Trung ương.
2. Duyên hải miền Trung là nơi duy nhất của Việt Nam tập trung hầu hết các di sản văn hóa, di sản thiên nhiên thế giới: Thánh địa Mỹ Sơn, Phố cổ Hội An, Cố đô Huế, Phong Nha - Kẻ Bàng, Vịnh Cam Ranh, cùng một hệ thống bờ biển du lịch trải dài từ Bắc xuống Nam. Đây là những điều kiện tiên đề để phát triển ngành du lịch vùng mang tầm quốc tế.
3. Độ dốc ở khu vực này là khá cao, các sông ngấn và dốc, đây là nguyên nhân chính gây ra các trận lũ lụt kinh hoàng ở khu vực này như các trận lũ lịch sử năm 1964, 1999, 2006. Dễ thấy, với độ dốc cao nên khi xảy ra mưa lớn ở thượng nguồn đã nhanh chóng hình thành những đợt lũ lớn gây thiệt hại rất lớn về người và của. Thêm vào đó, hàng năm bình quân có khoảng 5-6 cơn bão rất lớn đổ bộ vào vùng, đặc biệt có những cơn bão rất lớn gây hậu quả nghiêm trọng về kinh tế xã hội như cơn bão số 2 năm 1996, cơn bão số 9 năm 1999 và gần đây là cơn bão số 6 năm 2006 với sức gió giật trên cấp 13.
4. Nguồn số liệu: Kinh tế xã hội các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên những năm đầu thế kỷ 21: Thực trạng và xu hướng phát triển, Nhà xuất bản Lý luận Chính trị, tr.14, tr.20.
5. Theo điều tra của Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), một container loại 40 feet nếu vận tải

bằng đường bộ từ Đà Nẵng đến Sài Gòn, rồi sau đó vận chuyển bằng đường biển đến các cảng quốc tế rẻ hơn vận chuyển bằng đường biển trực tiếp từ cảng Đà Nẵng tới 130 USD.

6. Tại Khu kinh tế Dung Quất (Quảng Ngãi), tỉnh trạng "cháy thợ hàn" đang ở mức trầm trọng khi Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy Dung Quất tiến hành đóng tàu chở dầu đầu tiên "Dung Quất 01". Ông Đinh Tiến Dũng - Phó Tổng giám đốc công ty - cho biết, khi tuyển dụng công nhân phục vụ việc đóng tàu, các yêu cầu đặt ra là công nhân có bằng nghề, tương đương với thợ bậc 3/7 và phải làm được việc. Thế nhưng, nhiều học viên tốt nghiệp trường nghề lại "lơ ngơ" khi sử dụng các thiết bị, vận hành máy móc và không đủ trình độ làm việc. Công ty phải tổ chức đào tạo lại theo kiểu "cầm tay chỉ việc". Sau đó, công ty tổ chức cho công nhân thi tay nghề, nếu đạt chứng chỉ của cơ quan đăng kiểm mới được công nhận là đã nâng tay nghề, có thể làm việc độc lập ([www.laodong.com.vn](http://www.laodong.com.vn)).
7. 17 địa phương miền Trung mang trên mình tới 10 sân bay, 17 cảng biển. Chính việc "dàn hàng ngang mà tiến" hàng loạt này mà miền Trung không có cảng lớn, không có sân bay lớn. Giá vận tải biển vẫn quá cao do lượng hàng hóa khu vực này quá ít ỏi, các tàu thường hiếm khi no hàng, các cảng không đạt hiệu quả lợi thế kinh tế theo quy mô.
8. 33 tỉnh vì lợi ích cục bộ vẫn tiếp tục "xé rào" đưa ra hàng loạt các chính sách ưu đãi riêng để giành giật các nhà đầu tư, vùng DHMT có đến 7 tỉnh (vùng DHMT có tổng cộng 9 đơn vị hành chính cấp tỉnh) bị Trung ương "thối còi" vì "xé rào" (Đó là: Bình Định, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Phú Yên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị).
9. Kinh tế sân bay, kinh tế cảng biển là những loại hình kinh tế có lợi thế theo quy mô. Do vậy, sẽ không có cảng biển, sân bay hiện đại mang tầm quốc tế nếu tư duy đầu tư vẫn mang tính dàn đều, không trọng tâm.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Tạp chí *Kinh tế & Phát triển*, tháng 02/2005.
- Tổng cục Thống kê (2007), *Niên giám thống kê năm 2006*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- Ngân hàng Thế giới (2004), *Báo cáo phát triển thế giới 2005 - Môi trường đầu tư tốt hơn cho mọi người*, Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
- *Niên giám thống kê 64 tỉnh thành phố Việt Nam*, Nhà xuất bản Thống kê, 2006.
- *Kinh tế xã hội các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên những năm đầu thế kỷ 21: Thực trạng và xu hướng phát triển*, Nhà xuất bản Lý luận Chính trị, năm 2007.